

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC SINH VIÊN TRONG ĐÀO TẠO TÍN CHỈ TẠI CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

THE REALITY OF STUDENT AFFAIRS MANAGEMENT IN CREDIT TRAINING AT THE TRAINING ORGANIZATIONS OF THE STATE BANK

TRẦN ĐỨC LONG(*), NGUYỄN CAO SONG HƯƠNG(**)

(*)Học viện Ngân Hàng, longtd.qlnh@hvn.edu.vn, (**)Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, huongncs@buh.edu.vn

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận: 15/01/2019 Ngày nhận lại: 26/02/2019 Duyệt đăng: 11/3/2019 Mã số: TCKH-S01T03-B07-2019 ISSN: 2354 – 0788 Từ khóa: Công tác sinh viên, đào tạo tín chỉ, cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước, công tác tổ chức hành chính. Key words: student affairs, credit training, training organizations of the State Bank, administration affairs.	<i>Bài viết đề cập đến thực trạng công tác sinh viên trong đào tạo tín chỉ tại các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước. Nghiên cứu được tiến hành trên hai cơ sở đào tạo tín chỉ của Ngân hàng Nhà nước là: Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh và Học viện Ngân hàng. Tổng số khách thể của hai trường khảo sát là 676. Nội dung nghiên cứu tập trung vào thực trạng công tác tổ chức hành chính đối với sinh viên; thực trạng công tác tổ chức hoạt động rèn luyện của sinh viên; thực trạng thực hiện các chế độ, chính sách đối với sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, điểm trung bình chung của các nội dung này đều được sinh viên đánh giá từ mức “khá” của thang đo.</i> ABSTRACTS The article mentions to status of student affairs in credit training at the training organizations of the State Bank. The study was conducted on two credit training organizations of the State Bank: Ho Chi Minh City University of Banking and Banking Academy. The total number of participants of the two organizations is 676. The main content of this research focuses on the status of administrative organization for students; the status running cultivating activities of students; status of implementing regimes and policies for students. Research results show that the mean score of these contents assessed by students is from the "quite good" level of the scale and above.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công tác sinh viên có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong tổng thể các mặt hoạt động của trường đại học. Ngoài việc đảm bảo

thực hiện quyền và nghĩa vụ của người học; quản lý, tổ chức các hoạt động hỗ trợ, phục vụ sinh viên, công tác sinh viên còn bao hàm việc giáo dục về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối

sống, kỹ năng sống, kỹ năng hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, thẩm mỹ, thể chất của sinh viên,... Trong bối cảnh đổi mới toàn diện giáo dục, đặc biệt là đào tạo theo tín chỉ song hành đẩy mạnh công tác đào tạo theo hướng phát triển năng lực người học; yêu cầu đặt ra cho hoạt động quản lý công tác sinh viên tại các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước cũng cần đổi mới để thích ứng kịp thời với yêu cầu và thách thức của thực tiễn, xứng tầm với vị thế của các cơ sở đào tạo có chất lượng giáo dục, đào tạo luôn được xã hội công nhận và đề cao. Chính vì vậy, việc tìm hiểu thực trạng công tác sinh viên trong đào tạo tín chỉ tại các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước là cần thiết để định hướng các giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động này, hướng đến sự phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực của sinh viên trong bối cảnh toàn cầu hóa.

2. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Nghiên cứu nhằm tìm hiểu về thực trạng công tác sinh viên trong đào tạo tín chỉ tại các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước. Nghiên cứu được tiến hành trên hai cơ sở đào tạo tín chỉ của Ngân hàng Nhà nước là: Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh và Học viện Ngân hàng. Tổng số khách thể của hai trường khảo sát là 676. Trong đó có 133 cán bộ quản lý, giảng viên và chuyên viên, chiếm tỷ lệ 19.7% và 543 sinh viên, chiếm tỷ lệ 80.3%. Nội dung nghiên cứu tập trung vào ba nội dung chính của công tác sinh viên bao gồm: Thực trạng công tác tổ chức hành chính đối với sinh viên; thực trạng công tác tổ chức hoạt động rèn luyện của sinh viên; thực trạng thực hiện các chế độ, chính sách đối với sinh viên. Các chỉ báo nghiên cứu được đo trên thang mức độ từ kém, yếu, trung bình, khá đến tốt (điểm thấp nhất là 1 và cao nhất là 5). Trên cơ sở này, cách thức quy điểm được quy định như sau:

Bảng 1. Cách quy điểm từng câu trong bảng hỏi chính thức (thang điểm 5)

ĐTB	MỨC ĐỘ
4.21 - 5.0	Tốt
3.41 - 4.20	Khá
2.61 - 3.40	Trung bình
1.81 - 2.60	Yếu
1.00 - 1.80	Kém

2.1. Thực trạng công tác tổ chức hành chính đối với sinh viên

Điểm trung bình chung trong công tác tổ chức hành chính đối với sinh viên được đánh giá ở mức độ “khá” với 3.94. Các nội dung cụ thể trong công tác này đều có điểm trung bình trên 3.70, rơi vào mức độ “khá” của thang đo.

Đầu tiên, công tác tổ chức hành chính đối với sinh viên có ba nội dung có điểm trung bình trên 4.0 là: Chỉ định ban cán sự lớp lâm thời (lớp trưởng, lớp phó) trong thời gian đầu khoá học với điểm trung bình cao nhất 4.08; tiếp nhận và quản lý lưu học sinh nước ngoài đến học tập tại Trường với điểm trung bình 4.03, xếp vị trí thứ hai; cuối cùng là quản lý hồ sơ sinh viên (cập nhật và quản lý dữ liệu hồ sơ, các quyết định của trường có liên quan đến sinh viên, lý lịch sinh viên) với điểm trung bình 4.02. Việc phân công, chỉ định ban cán sự lâm thời giúp quản lý lớp cũng như trao đổi thông tin một cách nhanh chóng với Khoa và phòng công tác sinh viên. Đây cũng là nội dung các Trường thực hiện tốt nhất trong công tác tổ chức hành chính với 64.8% tỷ lệ chọn “khá” và 22.1 tỷ lệ chọn “tốt”. Việc quản lý hồ sơ sinh viên đảm bảo tính khoa học và công bằng trong quá trình học tập, rèn luyện được các trường quan tâm thực hiện ở mức độ “khá” với 40.0% tỷ lệ chọn “khá” và 32% tỷ lệ chọn “tốt”. Vẫn có 1.7% tỷ lệ chọn “yếu”; 26.2% tỷ lệ chọn “trung bình” (chiếm hơn 1/5 mẫu nghiên cứu).

Bảng 2. Thực trạng công tác tổ chức hành chính đối với sinh viên

TT	NỘI DUNG	Mức độ đánh giá (%)					ĐTB
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt	
1	Tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển vào học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhà trường	0.4	0.7	42.5	26.0	30.4	3.85
2	Chỉ định ban cán sự lớp lâm thời (lớp trưởng, lớp phó) trong thời gian đầu khoá học	0.4	0.7	12.0	64.8	22.1	4.08
3	Làm thẻ sinh viên và hỗ trợ trang phục sinh viên	0.9	1.5	38.9	25.8	33.0	3.88
4	Tổ chức tiếp nhận sinh viên vào ở nội trú	0.6	3.1	42.2	30.6	23.6	3.73
5	Tiếp nhận và quản lý lưu học sinh nước ngoài đến học tập tại Trường	0.4	0.4	26.2	42.4	30.8	4.03
6	Quản lý hồ sơ sinh viên (cập nhật và quản lý dữ liệu hồ sơ, các quyết định của Trường có liên quan đến sinh viên, lý lịch sinh viên)	0.2	1.7	26.2	40.0	32	4.02
7	Tổ chức phát bằng tốt nghiệp	-	0.7	31.9	34.8	32.6	3.99
8	Kết nối giao dịch giữa người học và các đơn vị có liên quan. Giải quyết các thủ tục hành chính cho sinh viên tốt nghiệp, sinh viên chuyển trường hoặc bị thi hành kỷ luật	0.4	2.0	33.1	37.4	27.1	3.89
9	Thực hiện việc xác nhận, chứng thực các loại giấy tờ liên quan đến sinh viên	0.4	2.0	27.6	42.2	27,8	3.95
Điểm trung bình							3.94

Ngoài ra, trong công tác tổ chức hành chính, các trường thực hiện tốt công tác tiếp nhận và quản lý đối với du học sinh nước ngoài. Nội dung này có đến 42.4% tỷ lệ chọn “khá” và 30.8% tỷ lệ chọn “tốt”. Đây là công tác cần thiết nhằm hỗ trợ cho sinh viên nước ngoài bởi học tập ở môi trường mới, sự khác

biệt trong văn hóa và lối sống khiến họ gặp nhiều khó khăn và cần nhiều thời gian hơn sinh viên trong nước để thích nghi. Tuy nhiên, vẫn có hơn 26.2% tỷ lệ chọn trung bình (chiếm gần 3/10 mẫu nghiên cứu) cho nội dung trên, đòi hỏi các trường cần tiếp tục lưu ý và nâng cao chất lượng trong công tác tiếp nhận và quản lý

lưu học sinh. Kế tiếp, sáu nội dung còn lại có điểm trung bình trên 3.4 theo thứ tự lần lượt là: Tổ chức phát bằng tốt nghiệp với điểm trung bình 3.99, xếp vị trí thứ tư; thực hiện việc xác nhận, chứng thực các loại giấy tờ liên quan đến sinh viên với điểm trung bình 3.95, xếp vị trí thứ năm; kết nối giao dịch giữa người học và các đơn vị có liên quan, giải quyết các thủ tục hành chính cho sinh viên tốt nghiệp, sinh viên chuyển trường hoặc bị thi hành kỷ luật với điểm trung bình 3.89, xếp vị trí thứ sáu; làm thẻ sinh viên và hỗ trợ trang phục sinh viên với điểm trung bình 3.88, xếp vị trí thứ bảy; tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển vào học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà

trường với điểm trung bình 3.85, xếp vị trí thứ tám; tổ chức tiếp nhận sinh viên vào ở nội trú với điểm trung bình 3.73, xếp vị trí thứ chín.

Tóm lại, công tác tổ chức hành chính đối với sinh viên, theo đánh giá của sinh viên được thực hiện ở mức độ “khá” với điểm trung bình 3.94. Các trường cần quan tâm cải tiến hơn nữa các nội dung: Tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển vào học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường tổ chức tiếp nhận sinh viên vào ở nội trú để đảm bảo phục vụ tốt hơn nhu cầu sinh viên.

2.2. Thực trạng công tác tổ chức hoạt động rèn luyện của sinh viên

Bảng 3. Thực trạng công tác tổ chức hoạt động rèn luyện của sinh viên

TT	NỘI DUNG	Mức độ đánh giá (%)					ĐTB
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt	
1	Theo dõi, đánh giá ý thức học tập và rèn luyện của sinh viên	0.9	0.6	43.5	31.1	23.9	3.77
2	Phân loại, xếp loại rèn luyện cho sinh viên cuối mỗi học kỳ hoặc năm học, khóa học	0.6	1.3	11.4	57.5	29.3	4.14
3	Tổ chức thi đua, khen thưởng cho tập thể và cá nhân sinh viên đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện	0.4	1.1	44.6	24.1	29.8	3.82
4	Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm quy chế, nội quy	-	0.9	42.2	24.5	32.4	3.88
5	Tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên”	0.2	1.5	38.7	24.7	35.0	3.93
6	Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học và các hoạt động khuyến khích học tập khác	0.2	1.5	17.3	54.3	26.7	4.06
7	Tổ chức triển khai công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên	-	0.7	42.0	28.7	28.5	3.85
8	Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động ngoài giờ lên lớp khác	0.2	1.1	20.1	50.3	28.4	4.06
9	Tổ chức đối thoại định kỳ giữa nhà trường với sinh viên	0.6	1.3	42.2	31.9	24.1	3.78

TT	NỘI DUNG	Mức độ đánh giá (%)					ĐTB
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt	
10	Tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên tham gia tổ chức Đảng, các đoàn thể trong trường	0.2	3.5	39.2	33.9	23.2	3.76
11	Phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên và các tổ chức chính trị - xã hội khác có liên quan trong các hoạt động phong trào của sinh viên	0.4	2.4	41.3	28.7	27.3	3.80
12	Tổ chức tư vấn về phương pháp học tập và các vấn đề đánh giá rèn luyện cho sinh viên	-	17.9	23.0	34.4	24.7	3.66
13	Tổ chức thực hiện công tác y tế trường học; tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên khi vào nhập học; chăm sóc, phòng chống dịch, bệnh	0.6	26.0	21.5	29.7	22.3	3.47
14	Phối hợp với các ngành, các cấp chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên	-	5.3	42.5	25.2	26.9	3.74
15	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, ma túy, mại dâm, HIV/AIDS và các hoạt động khác có liên quan đến sinh viên	0.6	16.0	30.4	24.7	28.4	3.64
16	Hướng dẫn sinh viên chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế	-	25.4	19.0	25.8	29.8	3.60
17	Tư vấn pháp lý cho sinh viên	0.2	25.2	24.7	24.3	25.6	3.50
Điểm trung bình							3.79

Kết quả thống kê ở bảng 3 cho thấy công tác tổ chức hoạt động rèn luyện của sinh viên theo đánh giá của sinh viên có điểm trung bình 3.79, đạt mức “khá”. Các nội dung cụ thể đều có điểm trung bình trên 3.4.

Trong ba nội dung có điểm trung bình trên 4.0, nội dung có điểm trung bình cao nhất ở mức “khá” là phân loại, xếp loại rèn luyện cho sinh viên cuối mỗi học kỳ hoặc năm học, khóa học với 4.14. Đây là hoạt động mà bất kì trường đại học nào cũng cần thực hiện nghiêm túc để đánh giá quá trình rèn luyện của sinh viên trong suốt học kỳ, năm học, khóa học nhằm đảm bảo tốt công tác đánh giá, xếp loại

sinh viên trong cả hai mặt học tập và rèn luyện đạo đức. Ngoài ra, đây cũng là căn cứ xét duyệt danh hiệu, học bổng và thực hiện các chế độ, chính sách ưu đãi đối với sinh viên. Hai nội dung xếp vị trí thứ 2 bằng điểm trung bình 4.06 ở mức “khá” là: Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học và các hoạt động khuyến khích học tập khác và Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động ngoài giờ lên lớp khác. Cả hai nội dung này đều liên quan đến việc tổ chức các hoạt động khuyến khích học tập, nghiên cứu và nâng cao đời sống tinh thần cho sinh viên. Mặc dù

hai nội dung này đều được đánh giá ở mức độ “khá” nhưng vẫn còn một số sinh viên chưa hài lòng với tổng tỷ lệ chọn kém, yếu, trung bình gần 20%. Đây là hoạt động rất cần thiết cho sinh viên phát triển toàn diện văn - thể - mỹ, tạo sân chơi để sinh viên giao lưu và học tập lẫn nhau; đặc biệt là hoạt động tổ chức văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao và các hoạt động ngoại khóa ngoài giờ lên lớp cần sự phối hợp của Phòng Công tác sinh viên, Trung tâm hỗ trợ sinh viên và Hội sinh viên. Tuy nhiên, ở nội dung Phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên và các tổ chức chính trị - xã hội khác có liên quan trong các hoạt động phong trào của sinh viên, điểm trung bình là 3.80, ở mức “khá” nhưng chưa cao. Bên cạnh đó, vẫn còn các nội dung trong công tác tổ chức rèn luyện cho sinh viên rơi vào mức “khá” với điểm trung bình trên 3.4, cần được quan tâm thực hiện tốt hơn, lần lượt là: Tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” với điểm trung bình 3.93. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm quy chế, nội quy với điểm trung bình 3.88. Tổ chức triển khai công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho sinh viên với điểm trung bình 3.85. Tổ chức thi đua, khen thưởng cho tập thể và cá nhân sinh viên đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện với điểm trung bình 3.82. Để thực hiện tốt nội dung này thì việc theo dõi, đánh giá ý thức học tập và rèn luyện của sinh viên cũng cần được thực hiện song song. Tuy nhiên, nội dung theo dõi, đánh giá ý thức học tập và rèn luyện của sinh viên tuy vẫn rơi vào mức “khá” nhưng chỉ xếp vị trí thứ chín với điểm trung bình là 3.77. Nội dung tổ chức đối thoại định kỳ giữa nhà trường với sinh viên có điểm trung bình 3.78. Đây là hoạt động cần thiết để tạo điều kiện cho sinh viên đối thoại trực tiếp với ban giám hiệu, cán bộ, giảng viên, nhân viên nhằm giải đáp thắc mắc, tiếp nhận nhu cầu, nguyện vọng của sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện cũng như tìm hiểu nghề nghiệp. Thông qua những

buổi đối thoại trực tiếp nhà trường dễ dàng nắm bắt nhu cầu của sinh viên và cải thiện công tác quản lý để đáp ứng phù hợp nhưng kết quả khảo sát cho thấy sinh viên mong muốn nhiều hơn nữa qua các hoạt động đối thoại này. Nội dung tổ chức tư vấn về phương pháp học tập và các vấn đề đánh giá rèn luyện cho sinh viên cũng được thể hiện tương tự với điểm trung bình 3.66. Vì vậy, các nội dung này cần được cải thiện theo hướng đa dạng về hình thức và phong phú, sâu sắc hơn về nội dung. Bên cạnh đó, nội dung tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tham gia tổ chức Đảng, các đoàn thể trong trường có điểm trung bình 3.76 với 33.9% tỷ lệ chọn “khá”. Phối hợp với các ngành, các cấp chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho sinh viên có điểm trung bình 3.74 và hướng dẫn sinh viên chấp hành pháp luật, nội quy, quy chế có điểm trung bình 3.60. Hai nội dung cần quan tâm cải thiện nhất là: Tư vấn pháp lý cho sinh viên với điểm trung bình 3.50 và tổ chức thực hiện công tác y tế trường học; tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên khi vào nhập học; chăm sóc, phòng chống dịch, bệnh xếp với điểm trung bình 3.47. Như vậy, xét về tổng thể, việc thực hiện nội dung hoạt động rèn luyện đối với sinh viên được đánh giá “khá”. Vẫn còn những nội dung cần được quan tâm đáp ứng tốt hơn như tư vấn pháp lý cho sinh viên và công tác y tế trường học.

2.3. Thực trạng thực hiện các chế độ, chính sách đối với sinh viên

Việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với sinh viên đạt mức “khá” với điểm trung bình là 3.94. Các nội dung cụ thể đều có điểm trung bình, trên 3.4, ở mức “khá”.

Đầu tiên, nội dung phối hợp với các phòng, khoa có liên quan thực hiện xét cấp học bổng khuyến khích học tập và rèn luyện cho sinh viên ở từng học kỳ theo quy định có điểm trung bình cao nhất 4.04 với 44.8% tỷ lệ chọn “khá” và 32% tỷ lệ chọn “tốt”. Vẫn còn 19.3%

tỷ lệ chọn “trung bình”, 3.3% tỷ lệ chọn “yếu” và 0.6% tỷ lệ chọn “kém” cho nội dung này. Tổng tỷ lệ sinh viên chưa hài lòng là 23.2 % (khoảng 1/5 mẫu nghiên cứu). Để thực hiện tốt việc trao học bổng, hỗ trợ cho sinh viên ngoài nguồn ngân sách của nhà trường đòi hỏi cần phải có sự tài trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức hay cựu sinh viên. Tuy nhiên nội dung Tổ chức vận động, tìm kiếm và quản lý các nguồn học

bổng xếp ở vị trí thứ 4, có điểm trung bình là 3.91 với 36.6% tỷ lệ chọn “khá”, 28.4% tỷ lệ chọn “tốt” và 33.3% tỷ lệ chọn “trung bình”, 0.9% tỷ lệ chọn “yếu”, 0.7% tỷ lệ chọn “kém”. Như vậy, hoạt động này cần quan tâm và thực hiện tốt hơn nữa để đảm bảo hiệu quả cao trong hỗ trợ sinh viên khó khăn cũng như khuyến khích tinh thần học tập của sinh viên.

Bảng 4. Thực trạng thực hiện các chế độ, chính sách đối với sinh viên

TT	NỘI DUNG	Mức độ đánh giá (%)					ĐTB
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt	
1	Tổ chức vận động, tìm kiếm và quản lý các nguồn học bổng	0.7	0.9	33.3	36.6	28.4	3.91
2	Phối hợp với các phòng, khoa có liên quan thực hiện xét, cấp học bổng khuyến khích học tập và rèn luyện cho sinh viên ở từng học kỳ theo quy định	0.6	3.3	19.3	44.8	32	4.04
3	Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức các hoạt động giới thiệu và hỗ trợ sinh viên tìm việc làm	0.7	1.8	25.8	43.6	28.0	3.96
4	Tổ chức miễn phí các lớp đào tạo ngắn hạn nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết	-	2.4	35.4	33.5	28.7	3.89
5	Xây dựng và phát hành miễn phí các tài liệu, cẩm nang kỹ năng cần thiết cho sinh viên	-	3.7	33.1	36.6	26.5	3.86
6	Tạo điều kiện giúp đỡ sinh viên tàn tật, khuyết tật, sinh viên diện chính sách, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn	0.4	2.2	30.2	33.1	34.1	3.98
Điểm trung bình							3.94

Nội dung tạo điều kiện giúp đỡ sinh viên tàn tật, khuyết tật, sinh viên diện chính sách, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn xếp vị trí tiếp theo, có điểm trung bình 3.98 với 33.1% tỷ lệ chọn “khá”, 34,1 % tỷ lệ chọn “tốt”. Nội dung Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức các hoạt động giới thiệu và hỗ trợ sinh viên tìm việc làm có điểm trung bình là 3.96 với 43.6% tỷ lệ chọn khá, 28.0% tỷ lệ chọn tốt và 25.8% tỷ lệ chọn trung bình, 1.8% tỷ lệ chọn yếu, 0.7% tỷ lệ chọn kém. Đây là hoạt động

giúp cho sinh viên có điều kiện tham gia phỏng vấn và tìm kiếm được công việc khi ra trường. Thực tế ở các trường đã tổ chức ngày hội việc làm để giúp các nhà tuyển dụng cơ hội tìm thấy ứng viên chất lượng và giúp sinh viên tìm thấy công việc phù hợp. Tuy nhiên, nội dung này vẫn còn khoảng 28.3% (*chiếm khoảng gần 3/10 mẫu nghiên cứu*) chưa hài lòng. Hai nội dung cần quan tâm là: Tổ chức miễn phí các lớp đào tạo ngắn hạn nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết có điểm trung bình xếp thứ

năm 3.89, ở mức “khá” với 33.5% tỷ lệ chọn “khá”, 28.7% tỷ lệ chọn “tốt”, 35.4% tỷ lệ chọn “trung bình” và 2.4% tỷ lệ chọn “yếu”. Nội dung xây dựng và phát hành miễn phí các tài liệu, cẩm nang kỹ năng cần thiết cho sinh viên có điểm trung bình xếp thứ sáu 3.86, vào mức “khá”. Tương thích với kết quả khảo sát, dữ liệu phỏng vấn bổ sung cũng cho thấy đa số cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên và sinh viên đánh giá cao các tài liệu là cẩm nang hướng dẫn học tập, thực tập phát hành miễn phí hàng năm như “Cẩm nang sinh viên”, “Những điều cần biết đối với sinh viên cuối khóa” nhưng mong muốn trường có nhiều hơn nữa những cẩm nang hướng dẫn kỹ năng mềm cho sinh viên. Việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với sinh viên được đánh giá ở mức “khá” với điểm trung bình là 3.94. Vẫn còn những nội dung cần được cải thiện để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của sinh viên, nhất là ở hoạt động tổ chức các khóa đào tạo, hỗ trợ phát hành tài liệu miễn phí để trang bị kiến thức và kỹ năng mềm cho sinh viên áp dụng trong công việc khi ra trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*; ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học chính quy*; ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy*; ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT.
4. Dương Tấn Tân (2010), *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên tại Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng*; Tuyển tập báo cáo Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học lần 7, Đà Nẵng.
5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2012), *Quy chế hoạt động của quỹ học bổng ngân hàng*; ban hành kèm theo Quyết định số 1579/QĐ-NHNN.
6. Các trang thông tin điện tử của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh và Học viện Ngân hàng.

3. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy thực trạng công tác sinh viên trong đào tạo tín chỉ tại các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước theo đánh giá của khách thể khảo sát đạt mức “khá” của thang đo với tỷ lệ đánh giá “khá” và “tốt” tương đối cao. Một số nội dung có điểm trung bình thấp cần được quan tâm để có những định hướng nâng cao chất lượng quản lý công tác sinh viên trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học cũng như những đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực ngành ngân hàng nói riêng và lĩnh vực kinh tế nói chung. Căn cứ vào kết quả nghiên cứu có thể định hướng các biện pháp cần hướng tới việc thay đổi cơ chế và nâng chất quản lý công tác sinh viên trong đào tạo tín chỉ tại các cơ sở đào tạo của Ngân hàng Nhà nước cần linh hoạt, mềm dẻo hơn để tăng tỷ lệ đánh giá “tốt”, nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ sinh viên, xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, tiệm cận cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.